

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-3-2025

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Lên;
- Ông Phan Văn Truyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1984;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Số A, ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Kiều T trình bày:

Bà Lê Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An vào ngày 21/02/2005. Đời sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; không quan tâm nhau trong việc nuôi dạy con cái và hạnh phúc gia đình; vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà Lê Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn K có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 13/5/2005, giới tính: Nam; đã thành niên và Nguyễn Y B, sinh ngày 24/7/2013, giới tính: Nữ. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu ông K nuôi cháu B; bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung với ông K.

Bị đơn Nguyễn Văn K đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đương sự không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông K vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông K, yêu cầu được nuôi con chưa thành niên; không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông K vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Kiều T khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà T yêu cầu ly hôn với ông K, yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông K không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Bà Lê Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn K xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An vào ngày 21/02/2005 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T với ông K do đời sống chung của vợ chồng không hòa hợp; tính tình không hợp nhau; không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn

cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ông K với bà T có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 13/5/2005, giới tính: Nam; đã thành niên và Nguyễn Y B, sinh ngày 24/7/2013, giới tính: Nữ. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi cháu B. Xét thấy, từ khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì cháu B do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đã ổn định đời sống, tinh thần, việc học hành nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao cháu B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Bà T và ông K đều không yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung với ông K nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Kiều T đối với ông Nguyễn Văn K.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

- *Về con chung:* Bà Lê Thị Kiều T với ông Nguyễn Văn K có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 13/5/2005, giới tính: Nam (đã thành niên) và Nguyễn Y B, sinh ngày 24/7/2013, giới tính: Nữ. Sau khi ly hôn, bà T có quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Y B.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Y B.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Đương sự xác định không có nợ chung với nhau nên không Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên số 0002725 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thị xã K sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- UBND xã Bình Hiệp; thị xã Kiến Tường;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương